

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPHN2 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

*Tiếng Việt:* Giáo dục mầm non

*Tiếng Anh:* Preschool Education

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non;

Mã số: 7140201

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Giáo dục mầm non

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Vị trí việc làm: Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục; viên chức quản lý mầm non; viên chức giảng dạy tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non; nghiên cứu viên tại các viện, trung tâm nghiên cứu; chuyên viên ở các lĩnh vực liên quan.

Khả năng học tập nâng cao trình độ:

- Được xét chọn đi học Đại học ở nước ngoài theo quy định hiện hành
- Có thể học cùng một lúc hai chương trình đào tạo Đại học (Văn bằng 1, 2)
- Có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ (Thạc sĩ, Tiến sĩ)

Thời gian điều chỉnh CTĐT: Tháng 9/2022

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân giáo dục mầm non có năng lực nghề nghiệp vững vàng, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của người giáo viên mầm non; tham gia công tác quản lý chuyên môn tại các tổ chức, cơ sở giáo dục - đào tạo hoặc các cơ quan quản lý giáo dục.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân; Bồi dưỡng ý thức rèn luyện nâng cao đạo đức, phong cách nhà giáo.
M2	Hình thành và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người giáo viên mầm non để thực hiện tốt hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát triển toàn diện trẻ em, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.
M3	Hình thành năng lực xây dựng môi trường giáo dục mầm non an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ.

<b>Mã</b>	<b>Mô tả</b>
M4	Hình thành năng lực phát triển mối quan hệ hợp tác với gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em.
M5	Phát triển năng lực quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục mầm non.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

<b>Mã</b>	<b>Mô tả</b>
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
C2	Thể hiện ý thức tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất nhà giáo và trình độ chuyên môn nghiệp vụ
C3	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn.
C4	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C5	Tự rèn luyện và phát triển thể chất thông qua tập luyện một số môn thể dục thể thao.
C6	Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học; tri thức chuyên sâu về tâm lý học, giáo dục học mầm non để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non.
C7	Vận dụng hiệu quả tri thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non.
C8	Vận dụng phù hợp các loại hình nghệ thuật tạo hình, âm nhạc, múa, văn học nghệ thuật vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.
C9	Xây dựng được kế hoạch học tập, bồi dưỡng phù hợp để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.
C10	Xây dựng và thực hiện linh hoạt chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ em, phù hợp với điều kiện thực tiễn, cập nhật xu hướng giáo dục tiên tiến.
C11	Vận dụng thành thạo các phương pháp, hình thức, công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ để nâng cao hiệu quả quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.
C12	Thực hiện đúng các yêu cầu về quản lý trẻ em, quản lý cơ sở vật chất và quản lý hồ sơ sổ sách của nhóm, lớp.

C13	Xây dựng được môi trường giáo dục mầm non an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ.
C14	Phát triển được mối quan hệ hợp tác với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em.

## 2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể				
	M1	M2	M3	M4	M5
C1	X				
C2	X				
C3		X			X
C4		X			
C5		X			
C6		X	X	X	
C7		X	X	X	
C8		X	X	X	
C9		X			X
C10		X			X
C11		X			X
C12		X			X
C13		X	X		X
C14		X		X	X

## 2.3. Các chỉ số thực hiện

Chỉ số đầu ra	Chỉ số thực hiện
C1	<p>C1.1: Chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p> <p>C1.2: Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào nhận thức và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.</p> <p>C1.3: Nhận diện được quan điểm sai trái, phản động và có thể đưa ra ý kiến phản biện trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học.</p>
C2	<p>C2.1: Thể hiện ý thức tự học, tự rèn luyện</p> <p>C2.2: Phân đấu nâng cao phẩm chất nhà giáo và trình độ chuyên môn nghiệp vụ</p>

C3	<p>C3.1: Lựa chọn và sử dụng thành thục các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ thích hợp để tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học Vật lý ở trường phổ thông.</p> <p>C3.2: Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng vào giáo dục và quản lí học sinh.</p> <p>C3.3: Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng để hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ.</p>
C4	<p>C4.1: Hiểu được các ý chính của một văn bản hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...</p> <p>C4.2: Có thể xử lí hầu hết các tình huống đơn giản yêu cầu sử dụng tiếng Anh xảy ra trong giao tiếp thường ngày.</p> <p>C4.3: Viết được văn bản tiếng Anh đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.</p> <p>C4.4: Sử dụng tiếng Anh để mô tả những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão, kế hoạch của bản thân và trình bày ngắn gọn các lí do liên quan.</p>
C5	<p>Đối với một số môn thể dục thể thao phổ biến:</p> <p>C5.1: Mô tả được các tác dụng, kỹ thuật cơ bản và quy định chính.</p> <p>C5.2: Thực hiện các động tác cơ bản đúng kỹ thuật và quy định.</p> <p>C5.3: Nghiêm túc, tích cực trong tập luyện các môn thể dục thể thao.</p>
C6	<p>C6.1: Vận dụng được tri thức về tâm lí học, tâm lí học lứa tuổi, tâm lí học sư phạm để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên Vật lý ở trường trung học.</p> <p>C6.2: Vận dụng được tri thức về lí luận dạy học, lí luận giáo dục để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên Vật lý ở trường trung học.</p> <p>C6.3: Xây dựng được kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp.</p>
C7	<p>C.7.1: Vận dụng hiệu quả tri thức nền tảng về khoa học tự nhiên để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>C7.2: Vận dụng hiệu quả tri thức nền tảng khoa học xã hội để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non.</p>
C8	<p>C8.1: Vận dụng phù hợp các loại hình nghệ thuật tạo hình, âm nhạc, múa vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.</p> <p>C8.2: Vận dụng phù hợp các loại hình văn học nghệ thuật vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.</p>
C9	<p>C9.1: Xây dựng được kế hoạch học tập, bồi dưỡng phù hợp để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.</p>

	C.9.2. Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng phù hợp để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.
C10	C10.1: Xây dựng linh hoạt chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ em, phù hợp với điều kiện thực tiễn, cập nhật xu hướng giáo dục tiên tiến. C10.2: Thực hiện linh hoạt chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ em, phù hợp với điều kiện thực tiễn, cập nhật xu hướng giáo dục tiên tiến.
C11	C11.1: Vận dụng thành thạo các phương pháp, hình thức, công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ để nâng cao hiệu quả quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.
C12	C12.1: Thực hiện đúng các yêu cầu về quản lý trẻ em, quản lý cơ sở vật chất. C12.2: Thực hiện đúng các yêu cầu về quản lý hồ sơ sổ sách của nhóm, lớp.
C13	C13.1: Xây dựng được môi trường giáo dục mầm non an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ.
C14	C.14.1: Phát triển được mối quan hệ hợp tác với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em. C.14.2: Phát triển được mối quan hệ hợp tác cộng đồng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em.

### 3. Chuẩn đầu vào

Tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên.

### 4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>I</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>22</b>
I.1	Giáo dục chính trị	11
I.2	Kiến thức đại cương	04
I.3	Ngoại ngữ	07
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên ngành</b>	<b>113</b>
II.1.	Cơ sở ngành/ nhóm ngành	17
II.2.	Chuyên ngành	42
	- <i>Bắt buộc</i>	32
	- <i>Tự chọn</i>	10
II.3.	Nghiệp vụ sư phạm	47
	- <i>Bắt buộc</i>	45

	<i>-Tự chọn</i>	02
II.4.	Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế	07
	<b>TỔNG</b>	<b>135</b>

## 5. Chiến lược dạy - học

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học.

Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) **Dạy học phân hóa** (Differentiated Instruction): Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy - học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập có thể được kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) **Học tập tích cực** (Active Learning): Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội....

(3) **Học tập theo câu hỏi** (Inquiry-Based Learning): Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) **Học tập kết hợp** (Blended Learning): Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp. Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) **Lớp học đảo ngược** (flipped classroom): Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy. Thời gian lên lớp trực tiếp

(6) **Học tập hợp tác**: Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp và xã hội.

## 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

### 6.1. Quy trình đào tạo

#### 6.1.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khóa học, năm học và học kì.

b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm.

c) Một năm học có hai học kỳ chính và có thể có một học kỳ phụ.

Học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kỳ phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

#### **6.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo**

a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

#### **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

### **7. Cách thức đánh giá**

#### **7.1. Chiến lược đánh giá**

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

#### **7.2. Đánh giá kết quả học tập**

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

### 7.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (được làm tròn tới một chữ số thập phân). Các hình thức đánh giá, loại điểm thành phần và trọng số mỗi loại điểm thành phần được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

### 7.2.2. Đánh giá kết quả học tập theo học kì, năm học

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

## 8. Nội dung chương trình

### 8.1. Khung chương trình

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>I.</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>		<b>22</b>						
<b>I.1</b>	<b>Giáo dục chính trị</b>								
1.	Triết học Mác - Lênin	CT111	3	32	26			92	
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	2	21	18			61	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	2	21	18			61	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	2	21	18			61	



Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	2	21	18			61	
<b>I.2</b>	<b>Kiến thức đại cương</b>								
6.	Pháp luật đại cương	PL101	2	15	30			55	
7.	Tin học	TH101	2	15	15	15		55	
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>								
8.	Tiếng Anh B1.1	B101.1	3	30	15	15		90	
9.	Tiếng Anh B1.2	B102.1	2	15	15	15		55	
10.	Tiếng Anh B1.3	B103.1	2	15	15	15		55	
<b>I.4</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>								
11.	Giáo dục thể chất 1	TC101	1			30		20	
12.	Giáo dục thể chất 2	TC102	1			30		20	
13.	Giáo dục thể chất 3	TC103	1			30		20	
<b>II.</b>	<b>Giáo dục chuyên ngành</b>								
<b>II.1.</b>	<b>Cơ sở ngành</b>		<b>17</b>						
14.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	GM201	2	15	30			55	
15.	Văn học dân gian Việt Nam	GM202	2	15	30			55	
16.	Văn học trẻ em	GM211	3	30	60			60	
17.	Sinh lý trẻ em	GM204	2	15	30			55	
18.	Âm nhạc cơ bản	GM212	3	30	60			60	
19.	Mỹ thuật cơ bản	GM213	3	30	60			60	
20.	Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non	GM210	2	15	30			55	
<b>II.2.</b>	<b>Chuyên ngành</b>		<b>96</b>						

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>Bắt buộc</b>			<b>32</b>						
21.	Tiếng Việt	GM301	3	30	60			60	
22.	Toán cơ sở	GM214	3	30	60			60	
23.	Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội	GM215	3	30	60			60	
24.	Dinh dưỡng học trẻ em	GM216	3	30	60			60	
25.	Bệnh học trẻ em	GM304	2	15	30			55	
26.	Chăm sóc và vệ sinh trẻ em	GM217	3	30	60			60	
27.	Huấn luyện múa	GM218	2	15	30			55	
28.	Đồ chơi trẻ em	GM306	2	15	30			55	
29.	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	GM219	2	15	30			55	
30.	Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non	GM310	2	15	30			55	
31.	Đánh giá trong giáo dục mầm non	GM412	2	15	30			55	
32.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	GM220	2	15	30			55	
33.	Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục mầm non	GM221	3	30	60			45	
<b>Tự chọn</b>			<b>10</b>						
	<b>Tự chọn 1:</b> (Chọn 1 trong 4 học phần sau)								
34.	Kỹ thuật nấu ăn	GM307	2	15			30	55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
35.	Chế độ dinh dưỡng cho trẻ cần chăm sóc đặc biệt	GM222	2	15			30	55	
36.	Chăm sóc và vệ sinh cho trẻ từ 0 đến 3 tuổi	GM223	2	15			30	55	
37.	Giáo dục dinh dưỡng cộng đồng	GM314	2	15		15	15	55	
	<b>Tự chọn 2:</b> (Chọn 1 trong 4 học phần sau)								
38.	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính	GM325	2	15		15	15	55	
39.	Tâm lý học trẻ khuyết tật	GM326	2	15		30		55	
40.	Can thiệp sớm cho trẻ chậm phát triển trí tuệ	GM327	2	15			30	55	
41.	Can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính và khiếm thị	GM328	2	15			30	55	
	<b>Tự chọn 3:</b> (Chọn 1 trong 4 học phần sau)								
42.	Nghệ thuật trang trí trong trường mầm non	GM321	2	15			30	55	
43.	Thiết kế và sắp đặt các góc học tập	GM224	2	15			30	55	
44.	Tự làm đồ dùng dạy học ở mầm non	GM225	2	15			30	55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
45.	Tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo tiếp cận Reggio Emilia	GM233	2	15			30	55	
	<b>Tự chọn 4:</b> (Chọn 1 trong 4 học phần sau)								
46.	Đàn phím điện tử	GM324	2	15			30	55	
47.	Thực hành xướng âm	GM227	2	15			30	55	
48.	Kỹ thuật ca hát cơ bản	GM228	2	15			30	55	
49.	Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục mầm non	GM229	2	15			30	55	
	<b>Tự chọn 5:</b> (Chọn 1 trong 4 học phần sau)								
50.	Môi trường và con người	GM234	2	15		30		55	
51.	Tiếng Việt thực hành	GM 235	2	15			30	55	
52.	Giao tiếp với trẻ mầm non	GM230	2	15			30	55	
53.	Phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non	GM236	2	15			30	55	
<b>II.3</b>	<b>Nghiệp vụ sư phạm</b>		<b>47</b>						
	<b>Bắt buộc</b>		<b>45</b>						
54.	Tâm lý học đại cương	TL501	2	15		30		55	
55.	Những vấn đề chung về giáo dục học	GD501	2	15		30		55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
56.	Tâm lý học mầm non	GM401	2	15		30		55	
57.	Giáo dục học mầm non	GM402	2	15		30		55	
58.	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	GM407	3	30			60	60	
59.	Phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	GM405	3	30			60	60	
60.	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non.	GM411	3	30			60	60	
61.	Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non	GM408	3	30			60	60	
62.	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	GM410	3	30			60	60	
63.	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	GM409	2	15			30	55	
64.	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	GM329	3	30			60	60	
65.	Phương pháp tổ chức hoạt động dạy múa cho trẻ mầm non	GM330	3	30			60	60	
66.	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục mầm non	GM413	2	15			30	55	
67.	Thực hành SP 1	GM331	1			50			
68.	Thực hành SP 2	GM332	1			50			
69.	Thực hành SP 3	GM333	1			50			

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
70.	Thực hành SP 4	GM334	2			100			
71.	Thực tập sư phạm 1	GM335	3				150		
72.	Thực tập sư phạm 2	GM336	4				200		
<i>Tự chọn (Chọn 1 trong 5 học phần sau)</i>			<b>02</b>						
73.	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	GM337	2	15			30	55	
74.	Vận dụng các tư tưởng giáo dục hiện đại trong giáo dục mầm non	GM338	2	15			30	55	
75.	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	GM339	2	15			30	55	
76.	Tư vấn trong giáo dục mầm non	GM340	2	15			30	55	
77.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	GM414	2	15			30	55	
<b>II.4</b>	<b><i>Khoá luận tốt nghiệp hoặc các môn chuyên ngành thay thế</i></b>		<b>07</b>						
	<b><i>Khóa luận tốt nghiệp</i></b>	GM501	7					<b>350</b>	
	<b><i>Các môn chuyên ngành thay thế</i></b>								
78.	Cơ sở và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	GM502	4	40			80	80	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
79.	Toán và phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	GM503	4	40			80	80	
80.	Cơ sở và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học	GM504	4	40			80	80	
81.	Cơ sở và phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	GM505	3	30			60	60	
82.	Cơ sở và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục STEAM trong trường mầm non	GM508	3	30			60	60	
83.	Hoạt động tạo hình và trò chơi tạo hình cho trẻ mầm non	GM509	3	30			60	60	
<b>Tổng số</b>			<b>135</b>						

### 8.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
CT111	T	T							T					
CT112	T	T							T					
CT113	T	T							T					
CT114	T	T							T					
CT115	T	T							T					
B101.1		T		T					T					
B102.1		T		T					T					

Học phần	Chuẩn đầu ra													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
B103.1		T		T					T					
TH101		T	T						T					
TC101		T			T									
TC102		T			T									
TC103		T			T									
PL101	T	T							T					
GM201		T					T		T					
GM202		T					T		T					
GM211		T					T		T					
GM204		T					T		T					
GM212		T						T	T					
GM213		T						T	T					
GM210		T				T			T					
GM301		T					T		T					
GM214		T					T		T					
GM215		T					T		T					
GM216		T					T		T					
GM304		T					T		T					
GM217		T					T		T					
GM218		T						T	T					
GM306		T				T	T		T					
GM219		T					T		T					
GM310		T						T	T					
GM412		T							T		T			
GM220		T							T	T				
GM221		T					T		T					
GM307		T					T		T					
GM222		T					T		T					
GM223		T					T		T					
GM314		T					T		T					
GM325		T				T	T		T					
GM326		T				T			T					
GM327		T				T			T					



Học phần	Chuẩn đầu ra													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
GM328		T				T			T					
GM321		T						T	T					
GM224		T						T	T					
GM225		T						T	T					
GM233		T						T	T					
GM324		T						T	T					
GM227		T						T	T					
GM228		T						T	T					
GM229		T						T	T					
GM234		T					T		T					
GM235		T					T		T					
GM230		T					T		T				T	T
GM236		T							T		T			
TL501		T				T			T					
GD501		T				T			T					
GM401		T				TU			T					
GM402		T				TU			T					
GM407		T					T		T					
GM405		T					T		T					
GM411		T					T		T					
GM408		T					T		T					
GM410		T						T	T					
GM409		T						T	T					
GM329		T			U			T	T					
GM330		T				T		T	T					

Học phần	Chuẩn đầu ra													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
GM413		T				T	T		T					
GM331		T						T	T					
GM332		T						T	T					
GM333		T						T	T					
GM334		T						T	T					
GM335		T					T		T	T		T		
GM336		T					T		T	T		T		
GM337		T							T		T			
GM338		T							T					
GM339		T							T					
GM340		T							T					T
GM414		T	TU						T					
GM501		T							T					
GM502		T					T		T					
GM503		T					T		T					
GM504		T					T		T					
GM505		T					T		T					
GM508		T						T	T					
GM509		T						T	T					

### 9. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
CT111	3							
TH101	2							
B1.1	3							
TC101	1							
GM211	3							
GM212	3							

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
GM218	2							
GM301	3							
<b>Tổng cộng kỳ 1</b>		<b>20</b>						
TC102		1						
B1.2		2						
CT112		2						
PL101		2						
GM202		2						
GM204		2						
GM213		3						
TL501		2						
GD501		2						
<b>Tổng cộng kỳ 2</b>		<b>18</b>						
TC103			<b>1</b>					
B1.3			<b>2</b>					
CT113			<b>2</b>					
GM214			<b>3</b>					
GM215			<b>3</b>					
GM217			<b>3</b>					
GM306			<b>2</b>					
GM401			<b>2</b>					
GM402			<b>2</b>					
<b>Tổng cộng kỳ 3</b>			<b>20</b>					
GM332				1				
CT103				2				
GM201				2				
GM304				2				
GM219				2				
GM310				2				
GM407				3				
GM330				3				
GM409				2				
<b>Tổng cộng kỳ 4</b>				<b>19</b>				
GM216					3			
GM411					3			

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
GM408					3			
GM405					3			
GM410					3			
GM329					3			
<b>Tổng cộng kỳ 5</b>					<b>18</b>			
GM221						3		
GM307						2		
GM233						2		
GM413						2		
GM334						2		
GM210						2		
GM230						2		
<b>Tổng cộng kỳ 6</b>					<b>15</b>			
GM327							2	
GM236							2	
GM414							2	
GM412							2	
GM229							2	
GM220							2	
GM307							2	
<b>Tổng cộng kỳ 7</b>					<b>14</b>			
GM336								4
GM501/ Môn thay thế tốt nghiệp								7
<b>Tổng cộng kỳ 8</b>					<b>11</b>			

## 10. Mô tả tóm tắt các học phần

### 10.1. Triết học Mác-Lênin

Môn học tập trung vào việc trang bị cho sinh viên nắm được những nguyên lý cơ bản nhất về triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin; vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận đã học vào chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân; nhận diện được các quan điểm sai trái khi hiểu không đúng về quá trình tồn tại, phát triển của con người cũng như xã hội loài người.

Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các môn học khác trong CTĐT như: *Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.*

### **10.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Môn học đi sâu vào tìm hiểu những lý luận của Mác - Lênin về phương thức SX TBCN và chủ nghĩa xã hội.

*Môn học được chia làm 2 phần:*

Phần 1 trên cơ sở của lý luận về giá trị hàng hóa chỉ ra nội dung và những tác động của quy luật giá trị đến sản xuất lưu thông và xã hội, từ đó môn học đi sâu phân tích các quy luật kinh tế tuyệt đối của CNTB, quy luật sản xuất giá trị thặng dư; làm rõ bản chất bóc lột của nền SXTBCN và của giai cấp tư sản; chỉ ra xu hướng vận động và phát triển tất yếu của CNTB dưới tác động của quy luật sản xuất giá trị thặng dư là CNTB sẽ bị diệt vong thay vào đó là một chế độ xã hội phát triển cao hơn, CNXH, CNCS.

Phần 2 môn học tập trung làm sáng tỏ lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của GCCN, về cách mạng XHCN và con đường đi lên CNXH, CNCS; những vấn đề chính trị xã hội trong công cuộc xây dựng CNXH.

Môn học có mối liên hệ mật thiết với các môn học như: *Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết học Mác Lê nin...*

### **10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần đi sâu vào tìm hiểu những nguyên lý, quy luật thuộc về chủ nghĩa xã hội khoa học; tìm hiểu mối liên hệ biện chứng trong xã hội; sự tác động của các quy luật đến cuộc sống.

Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác như: Triết học Mác Lê nin, Kinh tế chính trị Mác Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh...

### **10.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Môn học tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; hệ thống những vấn đề về giáo dục phẩm chất đạo đức cá nhân, xây dựng các chuẩn mực đạo đức của công dân, xây dựng nền tảng đạo đức con người mới

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học khác trong CTĐT như: *Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.*

### **10.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu đường lối của Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Do đó, nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có mối quan hệ mật thiết với các môn học khác trong CTĐT như: *Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh*

#### **10.6. Tiếng Anh B1.1**

Môn tiếng Anh B1.1 là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành.

Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; củng cố và nâng cao vốn từ vựng.

Học phần có liên quan mật thiết với các học phần khác như: *Tiếng Anh B1.2, Tiếng Anh B1.3, Tiếng Anh chuyên ngành...*

#### **10.7. Tiếng Anh B1.2**

Môn tiếng Anh B1.2 là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành.

Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; củng cố và nâng cao vốn từ vựng.

Môn tiếng Anh B1.2 là môn học tiếp nối môn tiếng Anh B 1.1. Học phần có liên quan mật thiết với các học phần khác như: *Tiếng Anh B1 1, Tiếng Anh B1 3, Tiếng Anh chuyên ngành...*

#### **10.8. Tiếng Anh B1.3**

Môn tiếng Anh B1.3 là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành.

Môn học giúp sinh viên phát triển cao hơn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; củng cố và nâng cao vốn từ vựng, ngữ pháp...

Môn tiếng Anh B1.3 có liên quan mật thiết với các học phần: *Tiếng Anh B1.1, Tiếng Anh B1.2, Tiếng Anh chuyên ngành...*

#### **10.9. Tin học**

Môn học tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học cũng như máy vi tính, trình bày những kiến thức như thông tin và biểu diễn thông tin trong máy tính; Các kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản, hướng dẫn sử dụng phần mềm xử lý văn bản cụ thể; Các kỹ năng xử lý bảng tính với các phần mềm cụ thể: sử dụng các hàm cơ bản để tính toán trong bảng, làm việc với cơ sở dữ liệu; Cách biên soạn một bản báo cáo, một bài giảng, bài trình bày trên máy chiếu với phần mềm cụ thể; Các kiến thức về Internet và Email, trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là Web và Gmail nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet.

Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở trường mầm non.

Môn học là công cụ cho các môn học khác trong chương trình

#### **10.10. Pháp luật đại cương**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về pháp luật. Từ đây học phần phát triển ý thức tuân thủ pháp luật ở người học.

Học phần có mối liên hệ với các học phần khác: *Triết học Mác Lê nin, Kinh tế chính trị Mác lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.*

#### **10.11. Giáo dục thể chất 1**

Môn học GDTC 1 được cấu trúc gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành

- Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức Y - Sinh học TDTT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh ( tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

- Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng:

+ Thực hành các nội dung thể dục: Các bài tập đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục.

+ Thực hành nội dung chạy cự ly trung bình.

+ Thực hành kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Môn học có mối quan hệ mật thiết với các môn học khác trong CTĐT như: *Giáo dục thể chất 2, Giáo dục thể chất 3.*

#### **10.12;10.13. Giáo dục thể chất 2, 3**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDTT, y – sinh học TDTT; kiến thức và kỹ năng tổ chức: kỹ thuật cơ bản của môn học, trò chơi vận động.

Nội dung môn học GDTC 2, GDTC 3 bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết ( 06 tiết), thực hành ( 24 tiết).

Môn học có mối quan hệ mật thiết với các môn học khác trong CTĐT như: *Giáo dục thể chất 1...*

#### **10.14. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Môn học trang bị cho sinh viên (SV) cử nhân sư phạm mầm non hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, gồm: Các khái niệm về văn hóa và văn hóa học; Chức năng giáo dục của văn hóa; Loại hình văn hóa gốc nông nghiệp của Việt Nam; Đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt; Quá trình giao lưu văn hóa và kinh nghiệm lịch sử của cha ông trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; Tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn và thành tựu nổi bật trong từng thời kì; Tính thống nhất trong sự đa dạng các sắc màu văn hóa vùng, miền Việt Nam; Đặc điểm cơ bản về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cộng đồng người Việt Nam; Đường lối chính sách của Đảng về xây dựng phát triển văn hoá dân tộc; Thời cơ và thách thức mới trong phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay.

Học phần này sẽ có vai trò quan trọng đối với việc giáo dục phẩm chất đạo đức, lối sống; giáo dục toàn diện nhân cách; đặc biệt là giáo dục phép ứng xử văn hóa trong môi trường nhà trường và xã hội đối với người học.

Môn học có quan hệ mật thiết với những môn học khác trong CTĐT như: *Văn học dân gian Việt Nam, Văn học trẻ em, Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non, Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non, Giao tiếp với trẻ mầm non...*

#### **10.15. Văn học dân gian Việt Nam**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu về văn học dân gian - một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa, văn học dân tộc. Cụ thể:

+ Khái quát những vấn đề lý luận về văn học dân gian như: khái niệm, các đặc trưng cơ bản, hệ thống thể loại.

+ Những phương diện nổi bật: đặc trưng thể loại, nội dung phản ánh, nghệ thuật biểu hiện... của các thể loại văn học dân gian Việt Nam có tác phẩm được giới thiệu trong trường Mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học khác trong CTĐT như: *Cơ sở văn hóa Việt Nam, Văn học trẻ em, Phương pháp ngôn phát triển ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học...*

#### **10.16. Văn học trẻ em**

Học phần này mang đến cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non những hiểu biết cơ bản nhất về văn học trẻ em – một bộ phận quan trọng cấu thành nên nền văn học mỗi dân tộc. Về mặt kết cấu, học phần bao gồm: *Khái quát chung về văn học trẻ em, Văn học trẻ em Việt Nam hiện đại, Văn học trẻ em nước ngoài.*

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Cơ sở văn hóa Việt Nam, Văn học trẻ em, Phương pháp ngôn phát triển ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học...*

#### **10.17. Sinh lý trẻ em**

Môn học tập trung nghiên cứu những qui luật hình thành và phát triển của các chức năng sinh lý của cơ thể trẻ em qua các lứa tuổi. Đồng thời môn học còn nghiên cứu về các đặc điểm giải phẫu sinh lý của trẻ em và thiếu niên cần thiết cho công tác của các nhà giáo dục.

- Môn học có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Tâm lý học trẻ em, Dinh dưỡng học trẻ em và Bệnh học trẻ em...*

#### **10.18. Âm nhạc cơ bản**

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của lý thuyết âm nhạc để giải mã các ký hiệu âm thanh, ứng dụng đọc xướng âm giọng Cdur và Am cùng các tiết tấu cơ bản, có năng lực về đàn phím điện tử và ca hát các bài hát theo chủ đề giáo dục trong trường Mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với môn học khác trong CTĐT như: *Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non, Đàn phím điện tử, Thực hành xướng âm, Kỹ thuật ca hát cơ bản, Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục mầm non.*

#### **10.19. Mỹ thuật cơ bản**



Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hình họa, khoa học màu sắc, phương pháp vẽ, nặn và kỹ thuật làm tranh từ nghệ thuật cắt, xé dán giấy cơ bản. Sinh viên có thể làm ra các tác phẩm mỹ thuật đơn giản theo chương trình và có khả năng cảm thụ, phân tích khái quát được một số tác phẩm mỹ thuật điển hình. Kiến thức và kỹ năng cơ bản của mỹ thuật giúp cho sinh viên sau này có đủ năng lực tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ, tạo dáng, trang trí các sản phẩm đồ dùng, đồ chơi, cũng như thiết kế không gian lớp học.

Môn học Mỹ thuật cơ bản có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Đồ chơi trẻ em; Nghệ thuật trang trí trong trường mầm non; Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em; Tự làm đồ dùng dạy học ở trường mầm non; Thiết kế và sắp đặt các góc học tập, Hoạt động tạo hình và trò chơi tạo hình cho trẻ mầm non...*

#### **10.20. Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non**

Môn học giới thiệu những vấn đề đại cương về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non, bao gồm: khái niệm và phân loại các dạng khuyết tật ở trẻ em, nguyên gây khuyết tật và biện pháp phòng tránh khuyết tật bẩm sinh ở trẻ em; phương pháp, công cụ đánh giá nhu cầu, khả năng của TKT mầm non theo từng dạng tật; bản chất và tính tất yếu của phương thức giáo dục hòa nhập TKT.

Môn học trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về hỗ trợ chăm sóc – giáo dục trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non theo từng dạng tật (khiếm thị, khiếm thính, khuyết tật ngôn ngữ, khuyết tật vận động, khuyết tật trí tuệ, rối loạn tự kỉ) và việc tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập TKT ở trường mầm non (chương trình, mục tiêu, nội dung, tiến trình giáo dục hòa nhập, phương pháp, kỹ thuật tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập TKT theo dạng tật trong trường mầm non, xây dựng và thực hiện Kế hoạch Giáo dục cá nhân cho TKT...).

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Dinh dưỡng học trẻ em, Bệnh học trẻ em, Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Đánh giá trong giáo dục mầm non, Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính, Tâm lý học trẻ khuyết tật, Can thiệp sớm cho trẻ chậm phát triển trí tuệ, Can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính và khiếm thị...*

#### **10.21. Tiếng Việt**

Môn học tập trung vào 4 vấn đề chính là ngữ âm, từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt, ngữ pháp và văn bản giúp người học có kiến thức nền tảng cơ bản về ngôn ngữ học tiếng Việt.

Phần Ngữ âm Tiếng Việt hiện đại cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về âm tiết, âm vị, âm tố.

Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ, các kiểu cấu tạo từ và nghĩa của từ trong tiếng Việt...

Ngữ pháp tiếng Việt cung cấp những kiến thức cơ bản về từ loại của tiếng Việt và các kiểu câu phân chia theo cấu tạo ngữ pháp trong tiếng Việt.

Phần văn bản cung cấp cho sinh viên các kiến thức về liên kết trong văn bản, các phong cách văn bản khác nhau, các biện pháp tu từ trong tiếng Việt.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Giao tiếp với trẻ mầm non, Văn học trẻ em, văn học dân gian Việt Nam, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Cơ sở và Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non...*

#### **10.22. Toán cơ sở**

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về tập hợp, quan hệ, ánh xạ, mệnh đề, hàm mệnh đề, công thức, suy luận và chứng minh. Môn học chỉ ra bản chất toán học của các biểu tượng toán trong nội dung GD toán cho trẻ MN, là cơ sở cho việc phát triển nhận thức toán học và tư duy logic, đồng thời là cơ sở để nghiên cứu cách thức giáo dục toán học cho trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Toán và Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Tâm lý học mầm non, Giáo dục mầm non, Phát triển chương trình giáo dục mầm non.*

#### **10.23. Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu một số kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội làm cơ sở cho việc nghiên cứu Chương trình Giáo dục mầm non, làm cơ sở cho việc phát triển các nhận thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội của trẻ mầm non đồng thời làm cơ sở để nghiên cứu cách thức giáo dục khoa học tự nhiên và khoa học xã hội cho trẻ mầm non.

Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới môn học khác trong CTĐT như: *Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Cơ sở và Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học.*

#### **10.24. Dinh dưỡng học trẻ em**

Dinh dưỡng học trẻ em tập trung vào các vấn đề: Nghiên cứu vai trò các chất dinh dưỡng đối với cơ thể và xác định nhu cầu của cơ thể về các chất đó; giá trị dinh dưỡng và vấn đề vệ sinh thực phẩm; Nghiên cứu chế độ dinh dưỡng của trẻ em ở các độ tuổi, sự phát sinh các bệnh khác nhau do dinh dưỡng không hợp lý; nghiên cứu chế độ dinh dưỡng phòng chống một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng; Nghiên cứu về các nội dung dinh dưỡng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em: nuôi con bằng sữa mẹ, theo dõi biểu đồ tăng trưởng, giáo dục dinh dưỡng nhằm nâng cao kiến thức và thực hành của cộng đồng về dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Sinh lý học trẻ em, Bệnh học trẻ em, Vệ sinh chăm sóc trẻ em trong chương trình đào tạo SP giáo dục mầm non, Giáo dục học mầm non, Tâm lý học mầm non.*

#### **10.25. Bệnh học trẻ em**

Môn học tập trung vào:

- Tầm quan trọng và những chiến lược ưu tiên chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.
- Kiến thức cơ bản, những biện pháp phòng, trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Kiến thức đại cương về bệnh truyền nhiễm. Kiến thức cơ bản, những biện pháp phòng, trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em.

- Kiến thức cơ bản về thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc cho trẻ em.

- Một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và phương pháp sơ, cấp cứu ban đầu một số tai nạn thường gặp ở trẻ em.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học khác trong CTĐT như: *Sinh lí học trẻ em; Dinh dưỡng học trẻ em; Chăm sóc và vệ sinh trẻ em, Tâm lí học mầm non, Giáo dục mầm non...*

#### **10.26. Chăm sóc và vệ sinh trẻ em**

Môn chăm sóc vệ sinh trẻ em cung cấp kiến thức lí luận cơ bản về vệ sinh trẻ mầm non dựa vào đặc điểm lứa tuổi từ đó xây dựng hệ thống các biện pháp nhằm củng cố sức khỏe của trẻ, phát triển cơ thể một cách toàn diện, cân đối và tổ chức giáo dục trẻ hợp lí. Sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức lý thuyết cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Vệ sinh trẻ em; Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học; Các giai đoạn lứa tuổi và sự phát triển thể chất của trẻ em; Vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan; Tổ chức vệ sinh trong giáo dục thể chất; Tổ chức vệ sinh quần áo cho trẻ em; Giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ em; Tổ chức vệ sinh môi trường và rèn luyện các kĩ năng thực hành về vệ sinh các cơ quan; xây dựng chế độ sinh hoạt hợp lí; Tích hợp các nội dung giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ; Đánh giá thói quen vệ sinh của trẻ.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Sinh lí trẻ em; Dinh dưỡng học trẻ em; Bệnh học trẻ em, Tâm lí học mầm non, Giáo dục mầm non, Chăm sóc và vệ sinh cho trẻ 0 đến 3 tuổi, Giáo dục dinh dưỡng cộng đồng.*

#### **10.27. Huấn luyện múa**

Môn học *Huấn luyện Múa* là môn học nghệ thuật đa sắc thái văn hóa vùng miền, mang tính phổ biến cao, dùng động tác hình thể để biểu cảm tâm tư, tình cảm của con người với con người. Nghệ thuật múa là một sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng, giúp con người hiểu thêm về các dân tộc Việt Nam nói riêng và văn hóa các dân tộc trên thế giới nói chung. Môn học tập trung vào vấn đề: Động tác của cơ thể mang tính biểu cảm, phản ánh tâm tư tình cảm của con người của mỗi dân tộc và hành động mang ý nghĩa diễn giải một vấn đề cụ thể.

Môn học có mối quan hệ với các môn học khác trong CTĐT như: *Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em, Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non...*

#### **10.28. Đồ chơi trẻ em**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên biết sử dụng các nguyên vật liệu tái sử dụng, sẵn có ở địa phương để tạo thành các sản phẩm có ích trong trường mầm non. Môn học có mối quan hệ tới các môn học khác liên hệ thông qua các góc học tập các chủ đề là

hình thức giáo dục trẻ mầm non, phương tiện giáo dục trẻ mầm non biết yêu quý các đồ vật, đồ dùng đồ chơi.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học khác trong CTĐT như: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em, Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non...*

### **10.29. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non**

Môn học giới thiệu một số kiến thức cơ bản về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp cần thiết để thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Sinh lý học trẻ em, Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội, Đánh giá trong giáo dục mầm non, Phát triển chương trình giáo dục mầm non.*

### **10.30. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non**

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về mỹ học và phương pháp giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Môn học trang bị cho SV những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Phát triển ở người học các năng lực như năng lực nghiên cứu, năng lực tự học, năng lực đánh giá....

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Sinh lý học trẻ em, Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội, Phương pháp tổ chức hoạt động dạy múa cho trẻ mầm non, Nghệ thuật trang trí trong trường mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non...*

### **10.31. Đánh giá trong giáo dục mầm non**

Môn học giới thiệu một số kiến thức cơ bản về đánh giá và kiểm định chất lượng: khái niệm, nội dung, quy trình, phương pháp, công cụ đánh giá và kiểm định chất lượng trong giáo dục mầm non. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện các hoạt động đánh giá trong giáo dục mầm non. Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, hỗ trợ và có liên quan đến các môn học về phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục trong khối kiến thức nghiệp vụ.

Môn học có liên quan chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Dinh dưỡng học trẻ em, Bệnh học trẻ em, Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non, Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính, Tâm lý học trẻ khuyết tật, Can thiệp sớm cho trẻ chậm phát triển trí tuệ, Can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính và khiếm thị, : Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ làm*

*quen với tác phẩm văn học, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em...*

### **10.32. Phát triển chương trình Giáo dục mầm non**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận về phát triển chương trình giáo dục mầm non, đồng thời giúp sinh viên ứng dụng những hiểu biết, kiến thức thu được từ nghiên cứu lí luận vào thực hành phát triển chương trình giáo dục mầm non. Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục mầm non, bao gồm: mục tiêu giáo dục mầm non, nội dung giáo dục mầm non, phương pháp giáo dục trẻ mầm non, hình thức giáo dục trẻ mầm non, phương tiện giáo dục trẻ mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em, Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, Vận dụng các tư tưởng giáo dục hiện đại trong giáo dục mầm non, Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non...*

### **10.33. Tiếng Anh chuyên ngành**

Tiếng Anh chuyên ngành là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục mầm non. Tiếng Anh chuyên ngành là học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ cơ bản về các lĩnh vực giáo dục trẻ mầm non bằng tiếng Anh, biết sử dụng tiếng Anh trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non đồng thời vận dụng kĩ năng sử dụng tiếng Anh trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non nhằm cập nhật những vấn đề đổi mới trong giáo dục mầm non và phát triển nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Tiếng Anh B11, Tiếng Anh B12, Tiếng Anh B13. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em, Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non...*

### **10.34. Kỹ thuật nấu ăn**

Nội dung môn học tập trung vào những vấn đề sau: Bản chất của nguyên liệu chế biến, cách lựa chọn và bảo quản thực phẩm. Sự biến đổi của các chất dinh dưỡng, của màu sắc mùi vị trong quá trình chế biến và ứng dụng để hạn chế tổn thất dinh dưỡng, nâng cao giá trị cảm quan của món ăn. Kỹ thuật chế biến món ăn. Phần này tập trung vào tìm hiểu các phương pháp chế biến cơ bản để tạo ra các sản phẩm ăn uống, các phương pháp trang trí làm tăng giá trị sản phẩm. Vì là môn học tự chọn của ngành mầm non nên tập trung vào việc hướng dẫn kỹ thuật chế biến các món ăn của trẻ em ở các độ tuổi khác nhau. Là môn

học nâng cao hỗ trợ cho sinh viên ngành sư phạm mầm non phát triển năng lực tổ chức bữa ăn cho trẻ.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học khác trong CTĐT như: *Dinh dưỡng học trẻ em, Chăm sóc và vệ sinh trẻ em, Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Chế độ dinh dưỡng cho trẻ cần chăm sóc đặc biệt, Giáo dục dinh dưỡng cộng đồng...*

### **10.35. Chế độ dinh dưỡng cho trẻ cần chăm sóc đặc biệt**

*Môn học tập trung vào:*

- Nguyên lý khoa học trong dinh dưỡng điều trị cho trẻ em;
- Những nhóm trẻ nguy cơ cao trong việc thiếu hụt dinh dưỡng; những nhóm trẻ cần chăm sóc đặc biệt.

- Những kiến thức cơ bản thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ cần chăm sóc đặc biệt: Trẻ đẻ non, thiếu cân, suy dinh dưỡng bào thai; Trẻ bị các bệnh liên quan đến dinh dưỡng, hấp thu, chuyển hóa; Trẻ bị các bệnh nhiễm khuẩn...

Môn học thuộc khối kiến thức nền tảng, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để đảm bảo năng lực tổ chức hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ mầm non, đặc biệt là nhóm trẻ cần chăm sóc đặc biệt.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT như: *Sinh lý trẻ em, Dinh dưỡng học trẻ em, Chăm sóc và vệ sinh trẻ em, Đánh giá an toàn trong giáo dục mầm non, Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Giáo dục dinh dưỡng cộng đồng.*

### **10.36. Chăm sóc và vệ sinh trẻ từ 0 đến 3 tuổi**

Môn chăm sóc và vệ sinh cho trẻ từ 0 đến 3 tuổi là chuyên đề tự chọn nhằm cung cấp cho người học những kiến thức sâu về đặc điểm sinh lý của trẻ qua các lứa tuổi khác nhau, trên cơ sở đó để phân tích các phương pháp chăm sóc về dinh dưỡng, thể lực giúp trẻ sinh trưởng phát triển bình thường, khỏe mạnh. Đặc biệt đối với trẻ em mà người mẹ không có sữa hoặc thiếu sữa cần phải ăn sữa ngoài. Ngoài ra môn học còn cung cấp kiến thức về vệ sinh cho trẻ phù hợp với lứa tuổi.

Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn: *Sinh lý trẻ em, Dinh dưỡng học trẻ em, Bệnh học trẻ em, Giáo dục dinh dưỡng cộng đồng...*

### **10.37. Giáo dục dinh dưỡng cộng đồng**

Môn giáo dục dinh dưỡng cộng đồng tập trung vào tìm hiểu: Các vấn đề chung của giáo dục dinh dưỡng cộng đồng: đối tượng, hình thức, nội dung, mô hình truyền thông và tổ chức thực hiện tuyên truyền giáo dục dinh dưỡng ở cộng đồng. Chế độ dinh dưỡng cho một số đối tượng đặc biệt, một số bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng và hoạt động truyền thông giáo dục. Phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng của cộng đồng, lập chương trình giáo dục cộng đồng về những vấn đề dinh dưỡng thường gặp. Là môn học nâng cao hỗ trợ cho sinh viên ngành sư phạm mầm non phát triển năng lực giáo dục dinh dưỡng cộng đồng.

Môn học này có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác như: *Dinh dưỡng trẻ em, Bệnh học trẻ em...*

### **10.38. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính**

Môn học cung cấp cho sinh viên ngành mầm non những hiểu biết cần thiết về giáo dục trẻ khiếm thính, những đặc điểm ngôn ngữ cơ bản của trẻ khiếm thính, vấn đề phát triển ngôn ngữ, khả năng giao tiếp cho trẻ khiếm thính. Môn học góp phần phát triển năng lực giáo dục hòa nhập cho sinh viên.

Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn: *Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non, Sinh lý trẻ em, Bệnh học trẻ em, Đánh giá trong giáo dục mầm non, Can thiệp sớm cho trẻ chậm phát triển trí tuệ, Can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính và khiếm thị, Tâm lý học trẻ khuyết tật...*

### **10.39. Tâm lý học trẻ khuyết tật**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về Tâm lý học TKT (trẻ khuyết tật), các đặc điểm phát triển về nhận thức, nhân cách trẻ khiếm thính, khiếm thị, trẻ chậm phát triển trí tuệ, cách thức nghiên cứu và giáo dục TKT.

Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn: *Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non, Sinh lý trẻ em, Bệnh học trẻ em, Đánh giá trong giáo dục mầm non, Can thiệp sớm cho trẻ chậm phát triển trí tuệ, Can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính và khiếm thị, Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính...*

### **10.40. Can thiệp sớm cho trẻ chậm phát triển trí tuệ**

Môn học giới thiệu những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập trẻ KTTT ở mầm non, bao gồm: khái niệm và phân loại các mức độ KTTT, nguyên nhân gây khuyết tật trí tuệ, biện pháp phòng tránh khuyết tật bẩm sinh ở trẻ em; đặc điểm trẻ KTTT lứa tuổi mầm non và những dấu hiệu nhận biết/phát hiện trẻ KTTT; phương pháp, công cụ đánh giá nhu cầu, khả năng của trẻ KTTT mầm non theo từng dạng hội chứng có liên quan; bản chất, đặc điểm phương thức giáo dục cho trẻ KTTT ở mầm non. Môn học trang bị những hiểu biết cơ bản về các hội chứng liên quan KTTT và việc hỗ trợ chăm sóc - giáo dục trẻ KTTT mầm non theo từng dạng hội chứng: Down, rối loạn tăng động giảm tập trung - chú ý (ADHD), rối loạn phổ tự kỉ (ASD), bại não, động kinh; gãy NST X; hội chứng Rett, Angelman, Prader-Willi, Turner, Klinefelter... Môn học trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về phát hiện sớm - can thiệp sớm trẻ KTTT và việc tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ KTTT trong trường mầm non, bao gồm: vai trò, nguyên tắc của phát hiện sớm - can thiệp sớm, phương pháp và công cụ phát hiện sớm trẻ KTTT ở mầm non, quy trình phát hiện sớm - can thiệp sớm trẻ KTTT, các khía cạnh/nội dung can thiệp sớm và biện pháp, kỹ thuật can thiệp, hỗ trợ chăm sóc - giáo dục trẻ KTTT ở mầm non theo từng hội chứng có liên quan (xác định mục tiêu, nội dung can thiệp - hỗ trợ trẻ, xây dựng và thực hiện kế hoạch can thiệp cá nhân cho trẻ KTTT; đánh giá, điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, kỹ thuật và các hoạt động can thiệp, hỗ trợ trẻ KTTT ở trường mầm non).

Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn: *Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non, Sinh lý trẻ em, Bệnh học trẻ em, Đánh giá trong giáo dục mầm non, Can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính và khiếm thị, Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính, Tâm lý học trẻ khuyết tật...*

#### **10.41. Can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính và khiếm thị**

Môn học giới thiệu những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thị và khiếm thính ở mầm non, bao gồm: khái niệm và phân loại các mức độ khiếm thị, khiếm thính; nguyên nhân, đặc điểm và những dấu hiệu nhận biết/phát hiện trẻ có khuyết tật thị giác, thính giác; phương pháp, công cụ đánh giá nhu cầu, khả năng của trẻ khiếm thị, khiếm thính lứa tuổi mầm non; bản chất, đặc trưng phương thức giáo dục cho trẻ khiếm thị, khiếm thính ở trường mầm non. Môn học trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về phát hiện sớm - can thiệp sớm trẻ khiếm thị, khiếm thính và việc tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ khiếm thị, khiếm thính trong trường mầm non, bao gồm: vai trò, nguyên tắc của phát hiện sớm - can thiệp sớm, phương pháp và công cụ phát hiện sớm trẻ khiếm thị, khiếm thính ở mầm non, quy trình phát hiện sớm - can thiệp sớm trẻ khiếm thị, khiếm thính, các khía cạnh/nội dung can thiệp sớm và biện pháp, kỹ thuật can thiệp, hỗ trợ chăm sóc - giáo dục trẻ khiếm thị, khiếm thính ở mầm non (xác định mục tiêu, nội dung can thiệp - hỗ trợ trẻ, xây dựng và thực hiện kế hoạch can thiệp cá nhân cho trẻ khiếm thị, khiếm thính; đánh giá, điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, kỹ thuật và các hoạt động can thiệp, hỗ trợ trẻ khiếm thị, khiếm thính ở trường mầm non).

Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn: *Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non, Sinh lý trẻ em, Bệnh học trẻ em, Đánh giá trong giáo dục mầm non, Can thiệp sớm cho trẻ chậm phát triển trí tuệ, Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính, Tâm lý học trẻ khuyết tật...*

#### **10.42. Nghệ thuật trang trí trong trường mầm non**

Học phần Nghệ thuật trang trí trong trường mầm non tập hợp một số nội dung chủ yếu của trang trí cơ bản và trang trí ứng dụng thường dùng trong môi trường sư phạm, đặc biệt là môi trường mầm non. Qua học phần này sinh viên được cung cấp các kiến thức và kỹ năng về ghi chép, chọn lọc các họa tiết trong cuộc sống để vận dụng vào trang trí. Sinh viên cũng được tiếp xúc và làm quen với các công nghệ tin học thường được sử dụng trong thiết kế trang trí. Học phần giúp cho sinh viên sau khi ra trường có được các kỹ năng trang trí, thiết kế không gian lớp học mầm non, cũng như các đồ dùng phục vụ công việc giảng dạy trong môi trường này.

Môn học có liên quan chặt chẽ đến học phần *Mỹ thuật, Đồ chơi trẻ em, Tự làm đồ dùng trong trường mầm non...*

#### **10.43. Thiết kế và sắp đặt các góc học tập**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên biết cách thiết kế và sắp đặt các góc học tập, các chủ đề trang trí trong lớp, trường mầm non. Môn học có mối quan hệ tới các môn học khác liên hệ thông qua các góc học tập các chủ đề là hình thức giáo dục trẻ mầm non, phương tiện giáo dục trẻ mầm non.



Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em...*

#### **10.44. Tự làm đồ dùng dạy học ở trường mầm non**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sử dụng cũng như phân loại, thiết kế đồ dùng dạy học tự tạo trong trường mầm non. Sinh viên có khả năng lựa chọn vật liệu, sử dụng một số phần mềm thiết kế và làm được các đồ dùng đơn giản phục vụ cho công việc giảng dạy trong trường mầm non. Môn học có sự liên quan trực tiếp với tất cả các môn học, bài học trong trường mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Mỹ thuật cơ bản; Nghệ thuật trang trí trong trường mầm non; Đồ chơi trẻ em; Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình...*

#### **10.45. Tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo tiếp cận Reggio Emilia**

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về: Nguồn gốc, đặc trưng của phương pháp dạy học Reggio Emilia trong giáo dục mầm non. Qua học phần này, người học cũng có sự đối sánh giữa phương pháp giáo dục Reggio Emilia với một số phương pháp giáo dục mầm non đang được áp dụng hiện nay: Giáo dục steam, Giáo dục Montessorri...; thấy được mối liên hệ với giáo dục mầm non tại Việt Nam hiện nay.

Học phần này có mối liên hệ với các học phần: *Giáo dục học mầm non, Tâm lý học mầm non, Phát triển chương trình giáo dục mầm non, Phương pháp Montessorri trong giáo dục mầm non, Cơ sở và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục Steam trong trường mầm non...*

#### **10.46. Đàn phím điện tử**

Môn học đàn phím điện tử trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành trên cây đàn Organ, nhằm vận dụng tốt vào hoạt động âm nhạc cụ thể trong trường Mầm non như dạy trẻ nghe nhạc, ca hát, vận động, trò chơi âm nhạc.

Môn học có liên quan chặt chẽ với những môn học: *Âm nhạc cơ bản, Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong trường Mầm non...*

#### **10.47. Thực hành xướng âm**

Môn học tập trung vào kỹ năng đọc tác phẩm âm nhạc.

Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới môn Âm nhạc trong chương trình phổ thông. Tiếp nối các chương trình đào tạo trước. Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học khác như: *Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Kỹ thuật ca hát cơ bản...*

#### **10.48. Kỹ thuật ca hát cơ bản**

Môn học tập trung vào kỹ năng thanh nhạc, và xử lý tác phẩm thanh nhạc

Có mối quan hệ trực tiếp đối với môn Âm nhạc trong chương trình phổ thông. Có quan hệ chặt chẽ với môn: *Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non, Thực hành xướng âm...*

#### **10.49. Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục mầm non**

Trang bị kiến thức và phương pháp lựa chọn, sử dụng tác phẩm âm nhạc trong trường Mầm non. Nâng cao các kỹ năng thực hành trong sử dụng tác phẩm âm nhạc trong trường Mầm non.

Môn học có liên quan chặt chẽ với những môn học: *Âm nhạc, Đàn phím điện tử, Phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ Mầm non.*

#### **10.50. Môi trường và con người**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về môi trường, vai trò của môi trường, các đặc điểm của môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và con người. Thông qua học phần này, người học được giáo dục ý thức về việc xây dựng và giữ gìn môi trường sống của con người.

Học phần có quan hệ mật thiết với các học phần khác như: *Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non...*

#### **10.51. Tiếng Việt thực hành**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về việc thực hành Tiếng Việt trong đời sống hàng ngày cũng như trong các hoạt động hành chính, nghiên cứu khoa học. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng cơ bản về sử dụng Tiếng Việt; để đảm bảo sự trong sáng và phù hợp của Tiếng Việt.

Môn học có liên quan các môn học: *Giáo dục học mầm non, Tâm lý học mầm non, Tiếng Việt, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học cho trẻ mầm non, Văn học dân gian, Văn học trẻ em..*

#### **10.52. Giao tiếp với trẻ mầm non**

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về giao tiếp, từ đó nhận ra mình thuộc kiểu giao tiếp nào, định hướng cách giao tiếp của mình cho phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ em. Đồng thời làm cho người học nhận ra ý nghĩa của giao tiếp đối với sự phát triển của trẻ em, đặc điểm giao tiếp của trẻ em từ năm thứ nhất đến kết thúc thời kỳ mẫu giáo. Cung cấp cho người học một bức tranh nền về giao tiếp của trẻ em và ứng dụng thực hành những kỹ năng giao tiếp phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ em ở từng lứa tuổi. Trong nội dung môn học này, sinh viên sẽ được tổ chức các hoạt động thực hành tại trung tâm Nghiệp vụ sư phạm của nhà trường để có thể ứng dụng các kỹ năng đã học được trong việc tổ chức tốt các hình thức giao tiếp với trẻ. Sinh viên cũng làm quen với việc nhận ra kỹ năng giao tiếp sớm là những kỹ năng cơ bản làm nền tảng cho sự phát triển giao tiếp ở trẻ.

Môn học có mối quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Tâm lý học đại cương, Tâm lý học mầm non, Những vấn đề chung về giáo dục học, Giáo dục học mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Tiếng Việt...*

### **10.53. Phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non**

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng cho sinh viên về phương pháp giáo dục Montessori, sự tương thích giữa phương pháp giáo dục Montessori và trẻ mầm non. Từ đây, sinh viên sẽ được tiếp cận những cách thức để trẻ có thể được giáo dục bởi phương pháp giáo dục Montessori.

Môn học có liên quan tới: *Những vấn đề chung về giáo dục học, Tâm lý học đại cương, Giáo dục học mầm non, Tâm lý học mầm non, Vận dụng các tư tưởng hiện đại trong giáo dục mầm non...*

### **10.54. Tâm lý học đại cương**

Môn học tập trung vào vấn đề: Nghiên cứu bản chất hiện tượng tâm lý người, nghiên cứu các yếu tố chủ quan, khách quan chi phối sự hình thành, phát triển tâm lý người : yếu tố bẩm sinh di truyền, môi trường sống, giáo dục, hành động, giao tiếp ... Nghiên cứu 3 mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người : Nhận thức, tình cảm, ý chí. Nghiên cứu sự hình thành và phát triển nhân cách. Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn... Tiếp nối các chương trình đào tạo trước.

Học phần này có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình như: *Những vấn đề chung về giáo dục học, Giáo dục học mầm non, Tâm lý học mầm non...*

### **10.55. Những vấn đề chung về giáo dục học**

Môn học tập trung vào những vấn đề chung về giáo dục. Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân. Kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình: *Tâm lý học đại cương, Giáo dục học mầm non, Tâm lý học mầm non...*

### **10.56. Tâm lý học mầm non**

Môn học đề cập đến các kiến thức cơ bản về những đặc trưng trong sự phát triển về thể chất, tâm lý cũng như những cơ chế, điều kiện, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các yếu tố trên ở cá nhân từ giai đoạn sơ sinh đến 6 tuổi. Đồng thời môn học đề cập đến các hiện tượng tâm lý đặc thù tương ứng với mỗi thời kỳ lứa tuổi, nêu ra đặc điểm và phương hướng tác động phù hợp dưới góc độ giáo dục. Tâm lý học trẻ em nghiên cứu sự nảy sinh, hình thành và phát triển trẻ em từ 0 đến 6 tuổi trên các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; những thành tựu của Tâm lý học đại cương, giáo dục học đại cương, sinh lý trẻ em.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Tâm lý học đại cương, những vấn đề chung về giáo dục học, Sinh lý trẻ em...*

### **10.57. Giáo dục học mầm non**

Môn học tập trung vào tìm hiểu chương trình giáo dục mầm non: mục tiêu giáo dục mầm non, nội dung giáo dục mầm non, phương pháp, phương tiện và hình thức giáo dục mầm non, nguyên tắc và cách thức đánh giá trẻ trong giáo dục mầm non. Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

Môn học có mối quan hệ chặt chẽ với tất cả các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non.

#### **10.58. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non**

Môn học cung cấp cơ sở lí luận về các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non như: khái niệm, cơ sở khoa học, các phương pháp, biện pháp phát triển ngôn ngữ... Môn học đồng thời cũng hình thành nên năng lực thực hành dạy học cho sinh viên khi tổ chức các hoạt động giáo dục ngôn ngữ cho trẻ như phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, phát triển ngôn ngữ mạch lạc, cho trẻ làm quen với chữ cái ghi âm tiếng Việt,... Từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng và năng lực thực hiện các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ, giúp trẻ có giao tiếp tốt trong môi trường lứa tuổi và chuẩn bị tâm thế để trẻ học tập ở trường tiểu học.

Môn học có mối quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Văn học trẻ em, Văn học dân gian, Tiếng Việt, Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học...*

#### **10.59. Phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học**

Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học (còn gọi là phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học) được hình thành và phát triển trong các trường Sư phạm có chuyên ngành Giáo dục Mầm non. Cùng với sự phát triển của ngành học, khoa học phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với văn học đã dần dần tự khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của nó đối với việc bồi dưỡng nhận thức lí luận, rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên theo học ngành Giáo dục Mầm non. Với ý nghĩa đó, môn học chú trọng đến những vấn đề cơ bản, cốt yếu của khoa học phương pháp giảng dạy bộ môn tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học; trang bị những tri thức lí luận thiết thực, giúp sinh viên nâng cao kiến thức về khoa học liên ngành đồng thời có những hướng dẫn cụ thể để họ có thể thực hành tổ chức tốt các hoạt động làm quen với văn học ở trường mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Giao tiếp với trẻ mầm non, Văn học trẻ em, Văn học dân gian, Tiếng Việt, Giáo dục học mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non...*

#### **10.60. Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non**

Môn học tập trung vào vấn đề: Phương pháp giáo dục toán học cho trẻ mầm non. Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Nội dung toán học. Tiếp nối các chương trình đào tạo trước thế nào: Thừa hưởng

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình: *Toán cơ sở, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non...*

#### **10.61. Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận về phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non như chương trình giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non và cách thức thiết kế các hoạt động giáo dục khoa học cho trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội, Giáo dục học mầm non...*

#### **10.62. Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non**

Môn học trang bị kiến thức về phương pháp dạy học Âm nhạc cho trẻ Mầm non trong các hoạt động Âm nhạc như nghe nhạc, ca hát, vận động trò chơi âm nhạc và các kỹ năng thực hành dạy các hoạt động này trong trường Mầm non.

Môn học có liên quan chặt chẽ với những môn học: *Âm nhạc cơ bản, Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non, Thực hành xướng âm, Đàn phím điện tử, Kỹ thuật ca hát...*

#### **10.63. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non**

Môn học cung cấp cho sinh viên những phương pháp tổ chức cũng như kiến thức về hình thức tổ chức và đặc điểm tạo hình của trẻ, đặc điểm của các loại bài tạo hình trong chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Qua môn học sinh viên có thể thiết kế, tổ chức các hoạt động nghệ thuật cho trẻ theo chương trình.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với các học phần: *Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non, Sinh lý trẻ em, Mỹ thuật cơ bản...*

#### **10.64. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non**

Giáo dục thể chất là một trong các nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho trẻ ở trường mầm non. Sinh viên ngành Giáo dục mầm non của trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cần phải nắm vững lí luận và có kĩ năng thực hành tốt để hình thành kĩ năng vận động cho trẻ, đảm bảo công tác Giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, sinh viên còn phải có khả năng nghiên cứu và tiếp cận với những vấn đề đổi mới trong lĩnh vực Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Mạch kiến thức và kĩ năng trong chương trình là sự kế thừa, bổ sung và phát triển từ các chương trình trước.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục thể chất 3, Giáo dục học mầm non, Tâm lý học mầm non...*

#### **10.65. Phương pháp tổ chức hoạt động dạy múa cho trẻ mầm non**

Môn học phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật ở trường mầm non là môn học nghệ thuật tổng hợp, giúp cô giáo và học sinh tiếp xúc với các loại hình nghệ thuật, tăng tính sáng tạo, tìm hiểu thế giới xung quanh, và phục vụ các mục đích mang tính chính trị, văn hóa xã hội, phục vụ đời sống tinh thần của con người trong xã hội. Tập trung vào

vấn đề: Giáo dục nghệ thuật cho trẻ Mầm non và những kỹ năng nghệ thuật, các loại hình nghệ thuật cho trẻ để phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ của trẻ.

Môn học có mối quan hệ với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục: *Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em, Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Huấn luyện múa...*

#### **10.66. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục mầm non**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận về nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục mầm non: phương pháp nghiên cứu, quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non, cách thức lựa chọn vấn đề và thực hiện nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục mầm non. Từ đó giúp sinh viên có được một số cơ sở lí luận và thực tiễn của phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành để thực hiện tiểu luận, khóa luận, luận văn hay bài báo khoa học. Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục mầm non, bao gồm: mục tiêu giáo dục mầm non, nội dung giáo dục mầm non, phương pháp giáo dục trẻ mầm non, hình thức giáo dục trẻ mầm non, phương tiện giáo dục trẻ mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Giáo dục học mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em, Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, Phát triển chương trình Giáo dục mầm non...*

#### **10.67. Thực hành sư phạm 1**

Môn học tập trung vào vấn đề tìm hiểu thực tiễn nhà trường mầm non. Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục mầm non: Tâm lí học mầm non; Giáo dục học mầm non; Giao tiếp sư phạm, các môn học trong nhà trường mầm non. Kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực.

Có quan hệ chặt chẽ với những môn học trong chương trình: *Tâm lí học mầm non; Giáo dục học mầm non...*

#### **10.68. Thực hành sư phạm 2**

Môn học tập trung vào thực hành công tác chăm sóc vệ sinh, dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non. Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới hoạt động chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, chăm sóc bữa ăn, chăm sóc giấc ngủ cho trẻ ở trường mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Giáo dục học mầm non, Tâm lí học mầm non, Sinh lý trẻ em, Dinh dưỡng học trẻ em, Bệnh học trẻ em, Chăm sóc vệ sinh trẻ em...*

#### **10.69. Thực hành sư phạm 3**

Môn học tập trung vào vấn đề thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Tâm lý học; Giáo dục học mầm non; Giao tiếp sư phạm.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học trong chương trình: *Tâm lý học mầm non; Giáo dục học mầm non...*

#### **10.70. Thực hành sư phạm 4**

Môn học tập trung vào hướng dẫn thiết kế hoạt động giáo dục khoa học, giáo dục toán học, giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục âm nhạc và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non; tổ chức, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục khoa học, giáo dục toán học, giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục âm nhạc và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non cho trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em...*

#### **10.71. Thực tập sư phạm 1**

Sinh viên thực tập tại trường mầm non.

#### **10.72. Thực tập sư phạm 2**

Sinh viên thực tập tại trường mầm non.

#### **10.73. Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non**

Môn học giới thiệu một số kiến thức về lý luận, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện hoạt động tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Đồ chơi trẻ em, Thiết kế và sắp đặt các góc học tập...*

#### **10.74. Vận dụng các tư tưởng giáo dục hiện đại trong giáo dục mầm non**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lý luận lý thuyết phát triển trẻ mầm non, tư tưởng giáo dục hiện đại trong giáo dục mầm non; đồng thời giúp sinh viên bước đầu biết ứng dụng những kiến thức về các tư tưởng giáo dục hiện đại trong thực tiễn giáo dục trẻ mầm non.

Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục mầm non, bao gồm: mục tiêu giáo dục mầm non, nội dung giáo dục mầm non, phương pháp giáo dục trẻ mầm non, hình thức giáo dục trẻ mầm non, phương tiện giáo dục trẻ mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Giáo dục học mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non,*

*Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em, Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non...*

#### **10.75. Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non**

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về sự khác biệt trong tâm lý của giới tính (chủ yếu là dị giới), bao gồm: Những vấn đề chung của tâm lý học giới tính. Trong chương này, sinh viên sẽ có kiến thức về khái niệm tâm lý học giới tính, sự khác biệt giữa giới và giới tính, đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học giới tính, lược sử hình thành của tâm lý học giới tính, lược sử hình thành nghiên cứu về tâm lý học giới tính và những yếu tố tiền đề cho sự hình thành của tâm lý giới giới tính. Chương 2 đề cập đến những đặc điểm tâm lý giới tính nam và nữ chia theo các giai đoạn của lứa tuổi. Chương 3 nhằm làm rõ sự khác biệt về tâm lý giới tính trong đời sống tâm lý của con người, ở một số lĩnh vực gồm: Sự khác biệt giới tính trong hôn nhân – gia đình; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong giáo dục - đào tạo; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong một số lĩnh vực ngành nghề và sự khác biệt về tâm lý giới tính trong khía cạnh văn hóa.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Giao tiếp với trẻ mầm non...*

#### **10.76. Tư vấn trong giáo dục mầm non**

Môn học này nhằm hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên hệ mầm non tự bồi dưỡng để tiếp cận với công tác tư vấn nói chung, tư vấn cho các tổ chức xã hội nói riêng trong chăm sóc, giáo dục trẻ em mẫu giáo.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non...*

#### **10.77. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non**

Nội dung trọng tâm của môn học bao gồm: vai trò của việc UDCNTT trong dạy học ngày nay. Giới thiệu một số phần mềm chuyên dụng trong giáo dục và ứng dụng các phần mềm này trong xây dựng giáo án, bài giảng, trò chơi phục vụ giáo dục ở mầm non. Môn học này là sự nối tiếp các môn học về lí luận giáo dục mầm non, lí luận dạy học các môn học ở mầm non, giúp hình thành cho sinh viên kiến thức và kĩ năng thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học ở mầm non dựa vào công nghệ thông tin.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Tin học, Giáo dục học mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non...*

#### **10.78. Cơ sở và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non**

Môn học trang bị kiến thức cơ bản về tiếng Việt và các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Môn học chú trọng đến những vấn đề cơ bản, cốt yếu của khoa học phương pháp giảng dạy phát triển ngôn ngữ cho trẻ; trang bị những tri thức lí luận thiết thực, giúp sinh viên nâng cao kiến thức về khoa học liên ngành đồng thời có những hướng dẫn cụ thể để họ có thể thực hành tổ chức tốt các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở



trường mầm non. Môn học cung cấp cơ sở lí luận của các phương pháp giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non: khái niệm, cơ sở khoa học, các phương pháp, biện pháp phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, phát triển ngôn ngữ mạch lạc, cho trẻ làm quen với chữ cái

Môn học có mối quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Giao tiếp với trẻ mầm non, Văn học trẻ em, Văn học dân gian, Tiếng Việt, Giáo dục học mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non...*

#### **10.79. Toán và phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non**

Môn học tập trung vào vấn đề: Tập hợp, quan hệ, ánh xạ, mệnh đề, hàm mệnh đề, công thức, suy luận và chứng minh. Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Nội dung GD toán cho trẻ MN.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình: *Toán cơ sở, Phương pháp hình thành biểu tượng toán, Giáo dục học mầm non, Tâm lí học mầm non...*

#### **10.80. Cơ sở và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận về cơ sở và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non khám phá khoa học như: cơ sở khoa học tự nhiên, cơ sở khoa học xã hội, chương trình giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non và cách thức thiết kế các hoạt động giáo dục khoa học cho trẻ mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non...*

#### **10.81. Cơ sở và phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức hiểu biết về văn học dân gian - một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa - văn học dân tộc trên các phương diện cơ bản như: khái niệm, các đặc trưng cơ bản, hệ thống thể loại. Sinh viên nắm được một cách khái quát quá trình hình thành và phát triển của loại hình văn học trẻ em qua các chặng đường lịch sử. Đồng thời, sinh viên được cung cấp kiến thức về thể loại, các đề tài văn học trẻ em, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam. Qua đó, sinh viên có điều kiện tiếp cận và tiến hành làm bài thực hành, thảo luận, phân tích một tác phẩm văn học cụ thể. Hình thành và phát triển trong các trường Sư phạm có chuyên ngành Giáo dục Mầm non. Cùng với sự phát triển của ngành học, khoa học phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với văn học đã dần dần tự khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của nó đối với việc bồi dưỡng nhận thức lí luận, rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên theo học ngành Giáo dục Mầm non. Với ý nghĩa đó, môn học chú trọng đến những vấn đề cơ bản, cốt yếu của khoa học phương pháp giảng dạy bộ môn tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học; trang bị những tri thức lí luận thiết thực, giúp sinh viên nâng cao kiến thức về khoa học liên ngành đồng thời có những hướng dẫn cụ thể để họ có thể thực hành tổ chức tốt các hoạt động làm quen với văn học ở trường mầm non.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: *Giao tiếp với trẻ mầm non, Văn học trẻ em, Văn học dân gian, Tiếng Việt, Giáo dục học mầm non, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non...*

#### **10.82. Cơ sở và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục STEAM trong trường mầm non**

Học phần cung cấp cơ sở lí luận, khắc sâu hiểu biết cho sinh viên về Steam, vai trò của steam đối với sự phát triển của trẻ mầm non. Trên cơ sở ấy, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về việc giúp trẻ mầm non tiếp cận với Steam, quy trình dạy học Steam trong mầm non.

Học phần có liên quan tới: *Những vấn đề chung về giáo dục học, Giáo dục học mầm non, Tâm lí học mầm non, Mĩ thuật cơ bản, Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non, Phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non...*

#### **10.83. Hoạt động tạo hình và trò chơi tạo hình cho trẻ mầm non**

Môn học cung cấp cho sinh viên những lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và tổ chức các trò chơi tạo hình cho trẻ mầm non. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức thiết kế các phương tiện tổ chức trò chơi cũng như tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ. Học phần có liên quan với các học phần khác như: *Mĩ thuật cơ bản, Đồ chơi trẻ em, Thiết kế và sắp đặt các góc học tập, Nghệ thuật trang trí trong trường mầm non...*

#### **10.84. Khóa luận tốt nghiệp**

Trong khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ vận dụng các kiến thức liên quan chuyên ngành kết hợp với các kiến thức liên ngành khác, sử dụng phương pháp luận nghiên cứu khoa học để giải quyết vấn đề mà mình quan tâm. Khóa luận tốt nghiệp có liên quan chặt chẽ tới các môn cơ sở, chuyên ngành, phương pháp nghiệp vụ.

### **11. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

#### **11.1. Hướng dẫn thực hiện**

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong đó:

##### **11.1.1. Tổ chức lớp học**

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

##### **a) Lớp ngành học**

Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

##### **b) Lớp học phần**

Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lí học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: Đầu học kì và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kì chính và tuần thứ 3 của học kì phụ.

#### *11.1.2. Đăng kí khối lượng học tập*

##### a) Khối lượng học tập trong mỗi học kỳ

Khối lượng tối thiểu không ít hơn  $2/3$  khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá  $3/2$  khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

##### b) Đăng ký học

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khóa biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng ký học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 1 tháng. Đăng ký bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ. Đăng ký muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

- Riêng đối với học kỳ đầu tiên của khóa học, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học; sinh viên có thể đăng ký học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng ký muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

##### c) Đăng ký học lại

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do chương trình đào

tạo thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trường đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy:

Ngoài hai trường hợp đăng ký học lại ở trên, sinh viên được phép đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng ký

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký đối với năm học có 02 học kỳ chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 03 học kỳ chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

#### 11.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:

- + Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;
- + Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;
- + Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;
- + Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;
- + Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;
- + Dưới 1,0: Kém.

- Theo thang điểm 10:

- + Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;
- + Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;
- + Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;
- + Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;
- + Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;
- + Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;
- Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ ;

- Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ ;
- Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ ;
- Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

## **11.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng**

### *11.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo*

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

### *11.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo*

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

### *11.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo*

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

### *11.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo*

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

**HIỆU TRƯỞNG**